

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1374 /QĐ-ĐHHĐ, ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Tên chương trình: Ngôn ngữ Việt Nam

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Việt Nam

Mã ngành: 8220102

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

1.1. Lịch sử chương trình đào tạo

Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức theo Quyết định số 88/QĐ-BGDĐT, ngày 07/01/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam được xây dựng và phê duyệt lần đầu vào năm 2009, đã được điều chỉnh qua các năm: năm 2012, năm 2014, năm 2017 và năm 2020.

Năm 2021, thực hiện thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Thông tư 23/2021-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 Ban hành quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ; Trường Đại học Hồng Đức đã ban hành quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ mới (Quyết định 297/QĐ-ĐHHĐ ngày 28/01/2022). Đồng thời, yêu cầu các Khoa thực hiện cập nhật mẫu, hướng dẫn viết chuẩn đầu ra, CTĐT, bản mô tả CTĐT, Đề cương chi tiết học phần của Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo công văn số 31/ĐHHĐ-QLĐTSDH ngày 08/3/2022. Bộ môn Ngữ văn, Khoa KHXH đã tiến hành rà soát, cập nhật, chỉnh sửa Chương trình đào tạo theo quy định mới, đáp ứng chuẩn đầu ra và nhu cầu xã hội, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia. Chương trình đào tạo áp dụng cho khóa tuyển sinh 2022 đã được cải tiến về nội dung, hình thức dạy học, kiểm tra đánh giá, và đặc biệt là bổ sung thêm nhiều chuyên đề nghiên cứu sâu về chuyên ngành, giúp người học có kiến thức lí thuyết sâu rộng và kiến thức thực tiễn đầy đủ, đáp ứng nhu cầu giáo dục trong xu thế hội nhập và cách mạng 4.0.

Việc rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT còn căn cứ vào Quyết định 1982/QĐ – TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam, Công văn số 146/ĐHHĐ -QLĐTSDH ngày 8/2/2019

của Hiệu trưởng trường Đại học Hồng Đức về việc xây dựng bản Mô tả CTĐT thạc sĩ; căn cứ vào Mục tiêu, sứ mệnh đào tạo của Nhà trường cũng như Chiến lược phát triển Trường Đại học Hồng Đức đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; căn cứ vào kết quả khảo sát nhu cầu người học, phỏng vấn cựu học viên, các nhà khoa học, nhà quản lý.

1.2. Cấu trúc chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo bao gồm 60 TC được cấu trúc thành 4 phần sau:

- Phần 1: Kiến thức chung: 07 TC (bắt buộc: 07 TC)
- Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 26 TC, trong đó:
 - + Khối kiến thức cơ sở: 12 TC (bắt buộc: 6 TC; tự chọn: 3 TC)
 - + Khối kiến thức chuyên ngành: 14 TC (bắt buộc: 9 TC; tự chọn: 5 TC)
- Phần 3: Chuyên đề nghiên cứu: 12 TC (bắt buộc 6 TC; tự chọn: 06 TC)
- Phần 4: Luận văn Thạc sĩ: 15 TC

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 60 tín chỉ

Tổng số học phần của chương trình đào tạo là 11 học phần lý thuyết, 4 chuyên đề nghiên cứu; 1 luận văn tốt nghiệp. Thời gian đào tạo được thực hiện theo quy định từ 18-24 tháng.

1.3. Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất

Để đảm bảo Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam, Trường Đại học Hồng Đức phối hợp với các đơn vị đào tạo khác xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ trình độ, năng lực chuyên môn, đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo với 01 Giáo sư; 04 Phó Giáo sư và 18 tiến sĩ.

Nhà trường, Khoa và Bộ môn có đầy đủ hệ thống cơ sở vật chất, kĩ thuật đáp ứng tốt yêu cầu của người học: công thông tin điện tử cập nhật, phòng học rộng rãi, kang trang, trang bị đầy đủ thiết bị: máy chiếu, âm thanh, ánh sáng, quạt điện, vệ sinh sạch sẽ, thoáng đãng,... đặc biệt là hệ thống phòng làm việc đầy đủ, wifi miễn phí, trung tâm thông tin thư viện có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, trang thiết bị hiện đại, chỗ đỗ xe rộng rãi, khuôn viên nhiều cây xanh, thoáng mát, ... góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Có thể nói, chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam của Trường Đại học Hồng Đức có đủ cơ sở thực tiễn, giải quyết được vấn đề đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho địa phương và các khu vực lân cận. Chương trình được xây dựng công phu, rà soát, chỉnh sửa và cập nhật, đảm bảo tính khoa học, đáp ứng được các yêu cầu về chuẩn đầu ra; kiến thức cập nhật, nâng cao; kỹ năng chuyên môn, ngoại ngữ và năng lực tự chịu trách nhiệm của người học phù hợp và đáp ứng các yêu cầu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thông tin chung về chương trình

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Ngôn ngữ Việt Nam
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Vietnamese Language
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Mã chuyên ngành đào tạo:	8220102
Khoa / Bộ môn quản lý chương trình	Bộ môn Ngữ văn, khoa Khoa học xã hội
Đối tượng tuyển sinh	Theo quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo
Hình thức tuyển sinh	Xét tuyển/thi tuyển/kết hợp xét tuyển và thi tuyển
Thời gian đào tạo:	18-24 tháng
Hình thức đào tạo	Chính quy tập trung
Số tín chỉ yêu cầu	60
Điều kiện tốt nghiệp	-Hoàn thành các học phần, chuyên đề của chương trình đào tạo và bảo vệ luận văn đạt yêu cầu; có trình độ ngoại ngữ đạt yêu cầu theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trước thời điểm xét tốt nghiệp.
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Thạc sĩ Ngôn ngữ Việt Nam
Vị trí việc làm	Sau khi tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng nghiên cứu, người học có khả năng giảng dạy môn Ngữ văn ở các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề; có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, tư vấn, quản lý chuyên môn và các vị trí khác thuộc chuyên ngành đào tạo tại các cơ sở giáo dục, đào tạo; có khả năng làm phóng viên, biên tập viên các báo, đài phát thanh - truyền hình, nhà xuất bản và chuyên viên trong các cơ quan hành chính nhà nước; Nghiên cứu viên tại các Viện nghiên cứu thuộc khối Khoa học xã hội và nhân văn...
Khả năng học tập nâng cao trình độ	Tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn ở trình độ Tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học hoặc các lĩnh vực chuyên môn thuộc ngành gần, ngành phù hợp; tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để đạt chuẩn chức danh nghề nghiệp.

Chương trình tham khảo	<p>[1]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, Trường ĐH Hồng Đức, phê duyệt năm 2020.</p> <p>[2]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học, Trường ĐHSP Hà Nội.</p> <p>[3]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, Trường ĐHSPHN 2.</p> <p>[4]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, Trường ĐHSP, ĐH Vinh.</p> <p>[5]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam, Trường ĐHSP, ĐH Thái Nguyên.</p> <p>[6]. Chương trình Thạc sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ học, Trường ĐHXH&NV, ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh.</p>
------------------------	---

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Ngôn ngữ Việt Nam theo định hướng nghiên cứu có phẩm chất chính trị và đạo đức nghề nghiệp; có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến về khoa học ngôn ngữ và ngôn ngữ Việt Nam; có kỹ năng chuyên sâu; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo; có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề để nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngôn ngữ Việt Nam; có năng lực nghiên cứu, phát triển, đổi mới và truyền bá, phổ biến tri thức khoa học về ngôn ngữ Việt Nam; có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- PO1: Nâng cao kiến thức triết học, biết vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay; xác lập vững chắc thế giới quan khoa học và phương pháp luận đúng đắn cho người học, làm cơ sở cho việc nhận thức và giải quyết tốt các vấn đề đặt ra trong thực tiễn xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

- PO2: Người học phải đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Quốc gia Việt Nam.

- PO3: Mở rộng, nâng cao kiến thức cơ sở liên ngành về các lĩnh vực lý luận văn học, văn học Việt Nam và giáo dục Ngữ văn hiện đại làm cơ sở để giải quyết những

yêu cầu, thách thức đặt ra trong nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam trong bối cảnh đổi mới giáo dục thế kỉ XXI.

- PO4: Có kiến thức lý thuyết và thực tế sâu, rộng ở mức độ làm chủ về một số lĩnh vực chủ yếu trong ngôn ngữ Việt Nam cũng như kiến thức liên ngành liên quan đến ngôn ngữ Việt Nam; vận dụng có hiệu quả vào thực tiễn công việc, cuộc sống, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực tiên tiến, chất lượng cao của địa phương và cả nước.

3.2.2. Kỹ năng

- PO5: Có bộ kỹ năng cơ bản trong nghiên cứu khoa học bao gồm: phương pháp luận, quan điểm nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu truyền thống và hiện đại trong ngôn ngữ học. Từ đó, người học có khả năng vận dụng vào nghiên cứu và thực tế công việc theo đúng chuyên môn.

- PO6: Có năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới trong lĩnh vực ngôn ngữ Việt Nam; năng lực tư vấn, quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu, giảng dạy và tư vấn khoa học về ngôn ngữ Việt Nam.

3.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- PO7: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu độc lập; có tư duy lô gic, có kĩ năng trình bày, diễn thuyết, phản biện các vấn đề ngôn ngữ học, có năng lực phát hiện, giải quyết, xử lý các vấn đề ngôn ngữ học nảy sinh trong thực tiễn; có thể tham gia, tư vấn, hoạch định về đường lối, chính sách ngôn ngữ. Người học có thể chịu trách nhiệm về chuyên môn trong lĩnh vực Ngôn ngữ học; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc cao hơn phục vụ cho nhu cầu công việc

4. Chuẩn đầu ra

Chương trình đào tạo được thiết kế đảm bảo học viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra:

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
PLO1	Học viên có hiểu biết sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học và những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng, biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; hiểu rõ cơ	PI1.1	Hiểu sâu sắc về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng, hệ thống các khái niệm, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin; đặc điểm, nội dung cơ bản của các nền triết học lớn trên thế giới; bản chất, đặc điểm, vai trò của khoa học - công nghệ trong thời đại ngày nay, mối quan hệ biện chứng giữa triết học và khoa học.
		PI1.2	Biết vận dụng kiến thức triết học đã học để phục vụ cho công việc của bản thân và sự phát triển của đất nước.

PLO_m	Nội dung PLO_m	PI_m	Nội dung PI_m
	sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.	PI1.3	Nhận biết được cơ sở lý luận khoa học của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước từ đó hình thành ở người học phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, sự thắng lợi tất yếu của cách mạng Việt Nam.
PLO2	Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	PI2.1	Phân tích, tổng hợp và vận dụng được các kiến thức nền tảng về ngôn ngữ tiếng Anh (ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng) trong thực tiễn giao tiếp và chuyên môn.
		PI2.2	Sử dụng thành thạo bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ thực tiễn của tiếng Anh, đạt chuẩn đầu ra bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
		PI2.3	Áp dụng kỹ năng mềm để tự phát triển bản thân như: kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm. Về năng lực, có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ tiếng Anh của bản thân.
PLO3	Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành về lý luận văn học, văn học Việt Nam và giáo dục Ngữ văn hiện đại vào nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam trong bối cảnh đổi mới giáo dục thế kỉ	PI3.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về lý luận văn học hiện đại và phương pháp luận nghiên cứu văn học vào nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam..
		PI3.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam vào nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam.

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
	XXI.	PI3.3	Vận dụng kiến thức về giáo dục Ngữ văn hiện đại vào nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam.
PLO4	Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến ở mức độ làm chủ về một số lĩnh vực chủ yếu trong ngôn ngữ học và ngôn ngữ Việt Nam; vận dụng được hệ thống kiến thức lý thuyết vào phân tích, luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ Việt Nam, vào thực tiễn công việc, cuộc sống, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực tiên tiến, chất lượng cao của địa phương và cả nước.	PI4.1	Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến ở mức độ làm chủ về ngôn ngữ học.
		PI4.2	Có kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến ở mức độ làm chủ về một số lĩnh vực chủ yếu trong ngôn ngữ Việt Nam.
		PI4.3	Vận dụng được hệ thống kiến thức lý thuyết vào phân tích, luận giải các vấn đề cụ thể của ngôn ngữ Việt Nam.
		PI4.4	Vận dụng được hệ thống kiến thức lý thuyết ngôn ngữ Việt Nam vào thực tiễn công việc, cuộc sống, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực tiên tiến, chất lượng cao của địa phương và cả nước.
PLO5	Xác định được hướng nghiên cứu về ngôn ngữ Việt Nam; vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu ngôn ngữ học vào thực tiễn.	PI5.1	Xác định được hướng nghiên cứu về ngôn ngữ Việt Nam.
		PI5.2	Vận dụng thành thạo các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học để triển khai nghiên cứu và ứng dụng kết quả nghiên cứu ngôn ngữ học vào thực tiễn.
PLO6	Có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề thuộc chuyên ngành một cách khoa học, bằng phương pháp tiên tiến.	PI6.1	Có kỹ năng phản biện các vấn đề thuộc chuyên ngành một cách khoa học, bằng phương pháp tiên tiến.
		PI6.2	Có kỹ năng phân tích các vấn đề thuộc chuyên ngành một cách khoa học, bằng phương pháp tiên tiến
		PI6.3	Có kỹ năng tổng hợp và đánh giá các vấn đề thuộc chuyên ngành một cách

PLO _m	Nội dung PLO _m	PI _m	Nội dung PI _m
			khoa học, bằng phương pháp tiên tiến.
PLO7	Có kỹ năng truyền đạt kiến thức ngôn ngữ cho người khác; kỹ năng tư vấn chuyên môn; thảo luận các vấn đề chuyên môn ngôn ngữ Việt Nam với đồng nghiệp và với những người khác; kỹ năng tiếp cận và lý giải những vấn đề ngôn ngữ đã và đang được đặt ra cho giới ngôn ngữ học ở Việt Nam.	PI7.1	Có kỹ năng truyền đạt kiến thức ngôn ngữ cho người khác.
		PI7.2	Có kỹ năng tư vấn chuyên môn; thảo luận các vấn đề chuyên môn ngôn ngữ Việt Nam với đồng nghiệp và với những người khác.
		PI7.3	Có kỹ năng tiếp cận và lý giải những vấn đề ngôn ngữ đã và đang được đặt ra cho giới ngôn ngữ học ở Việt Nam.
PLO8	Có kỹ năng khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu và quản lý hoạt động nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam.	PI8.1	Có kỹ năng khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam.
		PI8.2	Có kỹ năng khai thác hiệu quả và sáng tạo các ứng dụng công nghệ trong quản lý hoạt động nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam.
PLO9	Thể hiện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành để đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Việt Nam; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong nghiên cứu, truyền bá tri thức, tổ chức, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ, quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; có	PI9.1	Thể hiện năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề thuộc chuyên ngành để đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề thuộc lĩnh vực ngôn ngữ Việt Nam.
		PI9.2	Có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong nghiên cứu, truyền bá tri thức, tổ chức, hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ, quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả nghiên cứu khoa học và giảng dạy ngôn ngữ Việt Nam trong các cơ sở giáo dục, đào tạo.
		PI9.3	Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh

PLO_m	Nội dung PLO_m	PI_m	Nội dung PI_m
	khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong các hoạt động chuyên môn.		tranh cao.
		PI9.4	Có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong các hoạt động chuyên môn.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức ban hành “Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại trường Đại học Hồng Đức” kèm theo quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/1/2022. Cụ thể yêu cầu đối tượng dự tuyển gồm:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên, chính quy hoặc không chính quy; nếu bằng nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng - Bộ Giáo dục & Đào tạo công nhận văn bằng theo quy định hiện hành) ngành phù hợp. Đối với chuyên ngành Ngôn ngữ Việt Nam yêu cầu hạng tốt nghiệp từ loại khá trở lên hoặc có ít nhất một bài báo khoa học đã công bố có liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Đối với những người dự tuyển có văn bằng đại học phù hợp nhưng chưa đủ kiến thức ngành thì phải học bổ sung kiến thức để có trình độ tương đương trước khi xét tuyển;

Danh mục ngành phù hợp và danh mục các HP bổ sung kiến thức.:

- Nhóm 1: Người dự tuyển không phải học chuyển đổi trong trường hợp tốt nghiệp ngành: Cử nhân Ngôn ngữ học, Sư phạm Ngữ văn, Cử nhân Ngữ văn, Cử nhân Văn học.

- Nhóm 2: Người dự tuyển phải học chuyển đổi trong trường hợp tốt nghiệp ĐH các ngành sau: Hán Nôm; Báo chí; Ngôn ngữ các dân tộc ít người ở Việt Nam; Văn hóa học (Việt Nam); Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam; Việt Nam học; Cử nhân tiếng Anh (tiếng Nga, tiếng Pháp,...); Cử nhân Việt Nam học; Cử nhân Quản lý văn hóa; Xã hội học; Sư phạm Tiểu học; Sáng tác văn học

Người dự tuyển phải học bổ sung kiến thức một số học phần được lựa chọn từ các học phần sau với số tín chỉ tối đa là 16.

+ Dẫn luận ngôn ngữ học - 4 TC

+ Ngữ âm học tiếng Việt - 4 TC

+ Từ vựng – ngữ nghĩa học tiếng Việt - 4 TC

- + Ngữ pháp học tiếng Việt - 4 TC
- + Phong cách học tiếng Việt – 4 TC
- + Ngữ dụng học – 4 TC

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu của CTĐT						
	Kiến thức				Kĩ năng		Mức tự chủ và trách nhiệm
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
PLO1	✓						
PLO2		✓					
PLO3			✓				
PLO4				✓			
PLO5				✓	✓	✓	✓
PLO6				✓	✓	✓	✓
PLO7					✓	✓	✓
PLO8					✓	✓	✓
PLO9					✓	✓	✓

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Nhóm PP dạy - học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận ...)
- Nhóm PP dạy học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề / giải quyết vấn đề)
- Nhóm PP dạy học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử...)
- Nhóm PP dạy - học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến ...)
- Nhóm PP dạy - học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân ...)
- PP chuyên gia (mô hình, dự án, đề án ...)

Ma trận tích hợp CDR của CTĐT và phương pháp dạy - học

PP dạy học	Mục tiêu của CTĐT						
	Kiến thức				Kĩ năng		Mức tự chủ và trách nhiệm
	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
Trực tiếp	✓	✓	✓	✓	✓		
Kích não	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

Tương tác			✓				
Ứng dụng công nghệ	✓	✓	✓	✓			
Độc lập	✓	✓	✓	✓			
Chuyên gia				✓	✓	✓	✓

7.2. Các phương thức đánh giá

Các phương thức đánh giá, kiểu bài được sử dụng để đánh giá:

- Đánh giá quá trình: vấn đáp, thảo luận, bài tập.
- Đánh giá giữa kỳ: tự luận
- Đánh giá cuối kỳ: tự luận
- Điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên : Trọng số 30%.
- Điểm đánh giá chuyên cần, tính độc lập và sáng tạo: Trọng số 20%
- Điểm thi kết thúc: Trọng số 50%.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số tín chỉ
1	Khối kiến thức chung: 07 TC	Bắt buộc	7
		Tự chọn	0
2	Khối kiến thức cơ sở: 12 TC	Bắt buộc	3
		Tự chọn	9
3	Khối kiến thức chuyên ngành: 14 TC	Bắt buộc	9
		Tự chọn	5
4	Chuyên đề nghiên cứu: 12 TC (đối với chương trình định hướng nghiên cứu)		12
5	- Luận văn tốt nghiệp: 15 TC (đối với CTĐT định hướng nghiên cứu)		15
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 60			

2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã HP	Tên HP, số TC	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu dạy học
1	8THXH1	Triết học (4 TC)	- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần Triết học (Dành cho cao học khối KHXH&NV) gồm 8 chương. Chương 1:	1. Giáo trình chính: Bộ Giáo dục và Đào tạo, <i>Giáo trình Triết học</i> (2016) (dành cho Cao học khối

		<p>Giới thiệu tổng quan về triết học, bao gồm nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng và sự hình thành phát triển triết học trong lịch sử. Chương 2: Khái quát quan điểm về bản thể luận trong lịch sử triết học và khẳng định tính khoa học trong quan niệm về bản thể luận của triết học Mác – Lênin. Các chương 3, 4, 5, 6, 7, 8 trình bày một cách có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và sau quan điểm, mỗi nội dung lý luận, đều rút ra ý nghĩa phương pháp luận, đều chỉ ra sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận ấy trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i></p> <p>Hình thành cho người học được tư duy lôgic, thế giới quan duy vật, phương pháp luận khoa học, cách mạng khi xem xét và giải quyết các vấn đề trong hoạt động thực tiễn. Nắm vững cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước trong suốt quá trình cách mạng Việt Nam. Vận dụng được lý luận triết học Mác-Lênin để đánh giá các đúng các hiện tượng xã hội hiện đại và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của bản thân.</p>	<p>Khoa học Xã hội và Nhân văn), Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, Nxb CTQG, Hà Nội.</p>
--	--	--	---

2	8TA001	Tiếng Anh (3 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về ngữ pháp ở trình độ trung cấp như kiến thức về thì, so sánh, câu điều kiện, động từ tình thái, câu trần thuật, câu hỏi đuôi, mệnh đề quan hệ, đảo ngữ trong tiếng anh; kiến thức về từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày và để nói về các chủ điểm quen thuộc cũng như các lĩnh vực chuyên môn; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ở mức độ trung cấp; các kỹ năng làm bài thi Tiếng Anh theo định hướng bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Học xong học phần này, học viên có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.</p>	<p>1. Giáo trình chính Jan Bell and Amanda Thomas (2005). <i>Gold First</i>, Pearsons (Kí hiệu HLBB1).</p> <p>2. Tài liệu tham khảo Malcolm Man and Steve Taylor Knowles (2006), <i>Destination B2: Grammar and Vocabulary</i>, Macmillan Education.</p>
---	--------	---------------------	---	--

3	INV101	<p>Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại (3TC)</p>	<p><i>-Nội dung học phần:</i> Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại của các trường phái nghiên cứu văn học trên thế giới. Học phần bao gồm các phương pháp nghiên cứu như Phương pháp tiểu sử, Trường phái văn hóa – lịch sử, Huyền thoại học, Tiến hóa luận văn học, Trường phái lịch sử – tinh thần, Chủ nghĩa hình thức Nga, Lý thuyết phê bình mới, Lý thuyết phân tích văn hóa, Phê bình tượng tượng, Chủ nghĩa hiện sinh, Xã hội học cấu trúc, Tự sự học, Thi pháp học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc, Mỹ học tiếp nhận.</p> <p><i>-Năng lực đạt được:</i> Người học nắm vững những nội dung cơ bản về các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại trong học phần, bao gồm các phương pháp nghiên cứu như Phương pháp tiểu sử, Trường phái văn hóa – lịch sử, Huyền thoại học, Tiến hóa luận văn học, Trường phái lịch sử – tinh thần, Chủ nghĩa hình thức Nga, Lý thuyết phê bình mới, Lý thuyết phân tích văn hóa, Phê bình tượng tượng, Chủ nghĩa hiện sinh, Xã hội học cấu trúc, Tự sự học, Thi pháp</p>	<p>1. Giáo trình chính [1] Nhiều tác giả (2019), <i>Các lý thuyết và phương pháp văn học</i>, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo: [1] R.Wellek và A.Waren (2009), <i>Lí luận văn học</i>, Nxb Văn học, Hà Nội. [2]. Lã Nguyên (2018), <i>Phê bình kí hiệu học - Đọc văn như là hành trình tái thiết ngôn ngữ</i>, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.</p>
---	--------	---	--	--

			<p>học cấu trúc, Chủ nghĩa hậu cấu trúc, Mỹ học tiếp nhận.</p>	
4	1NV105	<p>Ngôn ngữ và văn học (3 TC)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần</i></p> <p>Học phần cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản của ngôn ngữ trong mối quan hệ với văn học. Đó là quan niệm về ngôn ngữ, về các chức năng của ngôn ngữ, về đặc tính của nghệ thuật văn chương trong hệ thống các loại hình nghệ thuật, về sự chi phối của chất liệu ngôn ngữ đối với các quá trình sáng tác và tiếp nhận văn chương cũng như đối với các tác phẩm văn chương. Lý thuyết về hoạt động giao tiếp ngôn ngữ được vận dụng vào lĩnh vực văn chương góp phần khẳng định bản chất giao tiếp của văn chương, phân xuất những đặc điểm của giao tiếp trong văn chương. Học phần còn cung cấp cơ sở lý thuyết về tín hiệu và hệ thống tín hiệu ngôn ngữ, từ đó lý giải bản chất và đặc điểm của tín hiệu ngôn ngữ và tín hiệu thẩm mỹ trong văn chương; mối quan hệ và sự chuyển hóa từ tín hiệu ngôn ngữ sang tín hiệu thẩm mỹ; nguồn gốc và phương thức xây dựng tín hiệu thẩm mỹ, tính chất của tín hiệu thẩm mỹ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Học phần phát triển năng lực nhận diện, phân tích các</p>	<p>1. Tài liệu chính Bùi Minh Toán (2012), <i>Ngôn ngữ với văn chương</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo Nguyễn Lai (1996), <i>Ngôn ngữ với sáng tạo và tiếp nhận văn học</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>

			hiện tượng ngôn ngữ qua tác phẩm văn học; phát triển năng lực tiếp nhận, phân tích tác phẩm văn học từ phương diện ngôn ngữ và vận dụng vào việc giảng dạy Ngữ văn trong nhà trường, viết báo, sáng tác văn học nghệ thuật ...	
5	1NV104	Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt (3 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt gồm: Khái quát về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp; Giao tiếp bằng ngôn ngữ; Các yếu tố văn hóa chi phối giao tiếp bằng ngôn ngữ của người Việt; Một số đặc trưng cơ bản của văn hóa trong ngôn ngữ giao tiếp của người Việt.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Học phần phát triển năng lực phân tích, miêu tả những vấn đề của Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt ở mức độ cơ bản và nâng cao và vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói chung để tìm hiểu các hiện tượng Ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp của người Việt trong tiếng Việt.</p>	<p>1. Giáo trình chính Hữu Đạt (2009), <i>Đặc trưng ngôn ngữ và văn hóa giao tiếp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo [1] Đỗ Hữu Châu (2001), <i>Đại cương ngôn ngữ học</i>, Tập 2, Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, Hà Nội. [2] Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hóa Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>
6	1NV102	Loại hình tác giả văn học	<p>- <i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Vận dụng lý thuyết loại hình học để tìm hiểu một phương diện cơ bản của loại hình học trong nghiên cứu văn</p>	<p>1. Giáo trình chính Trần Đình Hượu (1999), <i>Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>

		<p>trung đại Việt Nam (3 TC)</p>	<p>học là loại hình tác giả; triển khai nghiên cứu ứng dụng vào lịch sử văn học Việt Nam: mô tả, hệ thống hóa, phân loại đối với các loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam. Bao gồm kiểu tác giả vua chúa, tướng lĩnh; kiểu tác giả văn học Thiền sư và kiểu tác giả văn học nhà nho. Trong đó, kiểu tác giả văn học nhà nho có số lượng đông đảo nhất, để lại nhiều nhất về số lượng tác phẩm cũng như những tác phẩm có giá trị trong văn học truyền thống.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận thức đầy đủ, sâu sắc các vấn đề cơ bản của loại hình tác giả văn học trung đại. + Năng lực phát hiện những vấn đề có tính mới, nghiên cứu và vận dụng kết quả vào việc giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam dưới góc độ loại hình tác giả trong chương trình văn học sử ở bậc Đại học và chương trình Ngữ Văn ở nhà trường THPT. 	<p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>[1] Trần Ngọc Vương (1999), <i>Loại hình học tác giả văn học, Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>[2] Biện Minh Điền (2015), <i>Loại hình văn học trung đại Việt Nam</i>, Nxb Đại học Vinh.</p>
7	INV106	<p>Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại</p>	<p>-<i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp một số kiến thức lý thuyết cơ bản, chuyên sâu về về tiến trình văn học, thể loại văn học; sự hình thành, vận động, phát triển của thể loại văn học Việt Nam hiện đại qua các giai</p>	<p>1. Giáo trình chính</p> <p>Phan Cự Đệ (2005), <i>Văn học Việt Nam thế kỷ XX</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Trần Đình Sử (chủ biên) (2021), <i>Lược sử văn học Việt Nam</i>, Nxb Đại học</p>

		(3 TC)	<p>đoạn của thời kỳ văn học hiện đại; những tác động từ điều kiện khách quan, chủ quan đến sự hình thành, vận động phát triển của các thể loại trong tiến trình văn học Việt Nam hiện đại; những đặc điểm của mỗi chặng vận động; những thành công và hạn chế của các thể loại cơ bản trong tiến trình văn học hiện đại Việt Nam.</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Nhận thức đầy đủ, sâu sắc các vấn đề cơ bản của tiến trình văn học Việt Nam hiện đại từ góc nhìn thể loại.</p> <p>+ Phát hiện được những vấn đề có tính mới và vận dụng kiến thức lý luận về tiến trình văn học, thể loại văn học để nghiên cứu/cảm thụ/phê bình, giảng dạy các vấn đề/tác phẩm thuộc tiến trình văn học Việt Nam hiện đại.</p>	<p>Su phạm, Hà Nội.</p> <p>[2]. Nhiều tác giả (2004), <i>Từ điển văn học (bộ mới)</i>, Nxb Thế giới, Hà Nội.</p>
8	1NV107	<p>Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông quốc tế thế kỷ XXI</p> <p>(3 TC)</p>	<p><i>- Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cập nhật, bổ sung kiến thức khái quát về xu thế, yêu cầu cơ bản của đổi mới giáo dục phổ thông trên thế giới thế kỉ XXI; kiến thức hiện đại, nâng cao về bản chất, ý nghĩa của văn chương, vai trò, tác dụng của văn học trong nhà trường đối với đời sống của cá nhân học sinh; mối quan hệ và khoảng cách giữa văn học trong nhà trường</p>	<p>1. Giáo trình chính</p> <p>[1] Phan Trọng Luận (2008), <i>Văn học nhà trường - nhận diện, tiếp cận, đổi mới</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội.</p> <p>[2] Phan Trọng Luận (2011), <i>Văn học nhà trường - những điểm nhìn</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>[1] Tzvetan Todorov (2011), <i>Văn chương lâm</i></p>

			<p>đôi với đời sống văn hóa, chính trị, kinh tế xã hội của đất nước; định hướng những vấn đề cần tập trung khai thác để giáo dục HS thông qua văn học góp phần phát triển nhân cách, cá tính HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018 và yêu cầu phát triển của xã hội, thời đại.</p> <p><i>-Năng lực đạt được:</i></p> <p>Học phần phát triển năng lực phát hiện, đề xuất và thực hiện được các đề tài khảo sát, nghiên cứu về thực trạng chương trình và PPDH đọc văn trong nhà trường; đề xuất được các giải pháp khai thác khả năng văn học trong việc giáo dục HS đáp ứng mục tiêu Chương trình giáo dục môn Ngữ văn 2018.</p>	<p>nguy, (Trần Huyền Sâm, Đan Thanh dịch), Trung tâm nghiên cứu Quốc học và Nxb Văn học.</p> <p>[2] Nguyễn Thanh Hùng (2021), <i>Lí luận và PP dạy học Văn – Cội nguồn, bản sắc, giá trị</i>, Nxb Đại học Sư phạm.</p>
9	INV108	<p>Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông</p> <p>(3 TC)</p>	<p><i>-Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần phát triển năng lực nghiên cứu về ngôn ngữ nói chung, Việt ngữ học nói riêng trong mối quan hệ với xu hướng nghiên cứu về ngôn ngữ quốc tế và việc dạy tiếng Việt trong nhà trường đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục. Trên cơ sở đó, học viên có khả năng vận dụng thành quả nghiên cứu ngôn ngữ học quốc tế vào dạy học tiếng Việt theo chương trình, Sách giáo khoa mới, nhằm phát triển năng lực ngôn ngữ cho học</p>	<p>1. Giáo trình chính Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên), Bùi Minh Đức (Chủ biên) (2018), <i>Dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn THPT</i>. Nxb Đại học Sư phạm.</p> <p>2. Tài liệu Tham khảo Bùi Minh Toán (2010), <i>Tiếng Việt ở THPT</i>, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.</p>

			<p>sinh phổ thông theo hướng hiện đại.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Học phần phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích và lí giải được những vấn đề lí luận về ngôn ngữ quốc tế, Việt ngữ học, từ đó có khả năng vận dụng năng lực này vào thực tế dạy học tiếng Việt ở phổ thông hiện nay.</p>	
10	1NV201	Ngữ pháp học và một số vấn đề về ngữ pháp tiếng Việt (3TC)	<p>- <i>Nội dung học phần</i></p> <p>Học phần bổ sung, mở rộng, phát triển lý thuyết về ngữ pháp nói chung, về từ loại, cụm từ, câu trong tiếng Việt, cụ thể: Một số vấn đề đại cương về ngữ pháp; Một số vấn đề về Ngữ pháp tiếng Việt như: Từ loại tiếng Việt, đặc biệt là hiện tượng chuyển loại của từ, Cụm từ tiếng Việt với các quan điểm khác nhau; Câu tiếng Việt được nghiên cứu theo quan điểm truyền thống và quan điểm chức năng hiện đại, lý thuyết ba bình diện và lý thuyết ba chức năng trong nghiên cứu câu tiếng Việt.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được</i></p> <p>Học phần phát triển năng lực phân tích, đánh giá, miêu tả những vấn đề về ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt. Từ đó, vận dụng kiến thức ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Việt trong công việc, trong đời sống.</p>	<p>1. Giáo trình chính</p> <p>[1] Mai Ngọc Chừ (chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đỗ Việt Hùng, Bùi Minh Toán (2007), <i>Nhập môn ngôn ngữ học</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2] Diệp Quang Ban (2005), <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>[1] Nguyễn Văn Hiệp (2009) <i>Cú pháp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>[2] Bùi Minh Toán (2012), <i>Câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt</i>, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p>

11	INV213	<p>Ngữ nghĩa học và một số vấn đề ngữ nghĩa trong tiếng Việt (3 TC)</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngữ nghĩa học. Đó là các vấn đề về ngữ nghĩa và ngữ nghĩa học, nghĩa và các bình diện của nghĩa, nghĩa học từ vựng tiếng Việt (nghĩa từ vựng, biểu tượng tinh thần, biến đổi ý nghĩa của đơn vị từ vựng, đa nghĩa, trường nghĩa, đồng nghĩa, trái nghĩa) và nghĩa học cú pháp tiếng Việt (nghĩa của câu, nghĩa của phát ngôn)</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Học viên có năng lực phân tích, miêu tả và lý giải những vấn đề của ngữ nghĩa học ở mức độ cơ bản và nâng cao.</p> <p>+ Học viên có năng lực vận dụng kiến thức ngôn ngữ nói chung để tìm hiểu các hiện tượng ngữ nghĩa trong tiếng Việt.</p> <p>+ Học viên có năng lực vận dụng kiến thức về ngữ nghĩa học trong cuộc sống và công việc.</p>	<p>1. Giáo trình chính: Nguyễn Thiện Giáp (2014), <i>Nghĩa học Việt ngữ</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo [1] John Lyons (Nguyễn Văn Hiệp dịch), (2009), <i>Ngữ nghĩa học dẫn luận</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. [2] Đỗ Việt Hùng (2014), <i>Ngữ nghĩa học từ bình diện hệ thống đến hoạt động</i>, Nxb ĐHSP, Hà Nội.</p>
12	INV 212	<p>Ngữ dụng học và một số vấn đề ngữ dụng trong tiếng</p>	<p>- <i>Nội dung học phần:</i> Học phần bổ sung, phát triển lý thuyết về Ngữ dụng học nói chung và ngữ dụng tiếng Việt nói riêng, gồm: sự ra đời của dụng học Việt ngữ, chiếu vật và chỉ xuất, hành vi ngôn ngữ, lý thuyết lập luận, lí</p>	<p>1. Giáo trình chính Đỗ Hữu Châu (2007), <i>Đại cương ngôn ngữ học, tập 2</i>, Ngữ dụng học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo [1] Nguyễn Đức Dân (2000), <i>Ngữ dụng học, tập</i></p>

		Việt (3 TC)	<p>thuyết hội thoại, nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn trong tiếng Việt; chỉ ra một số bình diện, một số vận dụng vào việc nghiên cứu cụ thể trong tiếng Việt.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>Học phần phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích, miêu tả và lý giải những vấn đề của ngữ dụng học ở mức độ cơ bản và nâng cao. Từ đó, vận dụng kiến thức về ngữ dụng học để nghiên cứu những vấn đề chuyên môn cũng như nghiên cứu, học tập và giảng dạy Ngữ văn.</p>	<p>1, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>[2] Nguyễn Thiện Giáp (2000), <i>Dụng học Việt ngữ</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>[3] Cao Xuân Hải (2019), <i>Hành động trần thuật của nhân vật trong truyện ngắn Nguyễn Minh Châu, Chu Lai, Lê Lưu</i>, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.</p>
13	INV217	Phong cách học - Từ lý thuyết đến thực tiễn (3TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về phong cách học, bao gồm: các khái niệm cơ bản của phong cách học, các phương pháp và hướng nghiên cứu của phong cách học; vận dụng các thành tựu nghiên cứu vào việc xem xét cụ thể phong cách học tiếng Việt trong các phong cách chức năng ngôn ngữ, đặc biệt là phong cách ngôn ngữ nghệ thuật - từ đặc trưng ngôn ngữ đến văn bản ngôn từ trong tác phẩm nghệ thuật, một số đặc điểm phong cách ngôn ngữ thể loại tự sự và trữ tình và phân tích phong cách ngôn ngữ trong tác phẩm văn</p>	<p>1. Giáo trình chính Hữu Đạt (2001), <i>Phong cách học tiếng Việt hiện đại</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>[1] Cù Đình Tú (2001), <i>Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2] Hữu Đạt (2002), <i>Phong cách học với việc dạy văn và lý luận phê bình văn học</i>, Nxb Hà Nội, Hà Nội.</p>

			<p>học.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Bổ sung, mở rộng, phát triển lý thuyết về phong cách học, phong cách chức năng và phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.</p> <p>+ Phát triển năng lực nghiên cứu, phân tích, miêu tả và lý giải những vấn đề của phong cách học. Từ đó, học viên phát triển năng lực vận dụng kiến thức về phong cách học để nghiên cứu những vấn đề chuyên môn cũng như nghiên cứu, học tập và giảng dạy Ngữ văn.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức phong cách học trong công việc và đời sống.</p>	
14	INV210	Ngôn ngữ nghệ thuật (3 TC)	<p>- <i>Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ nghệ thuật, bao gồm: văn bản và các văn bản chức năng; phong cách chức năng của hoạt động lời nói; đặc trưng hệ thống tín hiệu thẩm mỹ của ngôn ngữ nghệ thuật; đặc trưng của ngôn ngữ nghệ thuật và văn bản nghệ thuật; ngôn ngữ thơ và ngôn ngữ văn xuôi; đồng thời học phần trang bị cho học viên các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ nghệ thuật để vận dụng vào nghiên cứu ngôn ngữ</p>	<p>1. Giáo trình chính Hoàng Kim Ngọc (chủ biên) – Hoàng Trọng Phiến (2011), <i>Ngôn ngữ văn chương</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo [1] Hoàng Kim Ngọc (2013), <i>Giáo trình thực hành về ngôn ngữ văn chương</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội. [2] Hữu Đạt (2000), <i>Ngôn ngữ thơ Việt Nam</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>

			<p>trong các văn bản văn học nghệ thuật của người Việt cũng như trong nghiên cứu đối chiếu với các dân tộc khác, ở các quốc gia khác nhau.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Học viên có năng lực phân tích, miêu tả và lý giải những vấn đề về ngôn ngữ nghệ thuật ở mức độ cơ bản và nâng cao.</p> <p>+ Học viên có năng lực vận dụng kiến thức về ngôn ngữ nghệ thuật để nghiên cứu những vấn đề chuyên môn cũng như nghiên cứu, học tập và giảng dạy Ngữ văn.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức ngôn ngữ nghệ thuật trong công việc và đời sống.</p>	
15	1NV209	Ngôn ngữ học xã hội (2 TC)	<p>- <i>Nội dung học phân:</i></p> <p>Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản, cần yếu về Ngôn ngữ học xã hội gồm: sự ra đời của Ngôn ngữ học xã hội, Cảnh huống ngôn ngữ, Thái độ ngôn ngữ, Đa ngữ xã hội, phương ngữ xã hội, Giao tiếp tương tác ngôn ngữ học xã hội và Chính sách ngôn ngữ.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Học viên có năng lực phân tích, miêu tả những vấn đề của Ngôn ngữ học xã hội ở mức độ cơ bản và nâng cao.</p> <p>+ Học viên có năng lực</p>	<p>1. Giáo trình chính Nguyễn Văn Khang (2014), <i>Ngôn ngữ học xã hội</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo Hoàng Thị Châu (2009), <i>Phương ngữ học tiếng Việt</i>, Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p>

			<p>vận dụng kiến thức Ngôn ngữ học xã hội để tìm hiểu các hiện tượng Ngôn ngữ học xã hội trong tiếng Việt.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức Ngôn ngữ học xã hội trong công việc và đời sống.</p>	
16	INV211	<p>Ngôn ngữ và thực hành báo chí (2 TC)</p>	<p><i>-Nội dung học phần:</i></p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến ngôn ngữ và ngôn ngữ truyền thông: sự ra đời của các truyền thông trên thế giới và Việt Nam, các khái niệm căn yếu (truyền thông, truyền thông đa phương diện, báo in, radio, television, internet...), các loại hình truyền thông cơ bản, ưu thế của truyền thông nói chung và truyền thông hiện đại, vai trò của ngôn ngữ trong truyền thông, đặc điểm chính của ngôn ngữ truyền thông, đặc biệt là ngôn ngữ truyền thông hiện đại; cách thức thể hiện của ngôn ngữ truyền thông...</p> <p><i>- Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Người học thấy được đặc thù, nét riêng biệt, tính đa dạng và biến đổi của ngôn ngữ báo chí trong từng loại hình, từng thể loại, từng giai đoạn phát triển công nghệ, từng cộng đồng tác động; có nhận quan về ngôn ngữ báo chí trong việc phân biệt các phong cách chức năng ngôn</p>	<p>1. Giáo trình chính Tạ Ngọc Tấn (2001), <i>Truyền thông đại chúng</i>, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo Vũ Quang Hào (2016), <i>Ngôn ngữ báo chí</i>, Nxb Thông tấn, Hà Nội.</p>

			<p>ngữ nói chung, có ý thức trong việc bảo tồn, gìn giữ sự phong phú, nét đẹp, sự trong sáng của tiếng Việt trong báo chí, đặc biệt là trong giai đoạn bùng nổ thông tin báo chí hiện nay.</p> <p>+ Biết cách tổ chức, lên kế hoạch, chuẩn bị để thực hiện một tác phẩm báo chí (theo từng thể loại), biết cách thiết kế một tổng thể trang báo, một kịch bản chương trình (phát thanh, truyền hình...), biết cách đặt title, viết chapeau, đặt tiêu mục, biết chọn ngôn ngữ phù hợp với yêu cầu tác phẩm, biết cách thực hiện một tác phẩm báo chí cụ thể.</p> <p>+ Biết cách kiểm tra chất lượng các sản phẩm báo chí: biên tập bản thảo, đọc morasse, đọc soát, đọc thẩm định, đọc đính chính...</p>	
17	1NVC02	Cú pháp tiếng Việt (3 TC)	<p>- <i>Nội dung CĐ:</i></p> <p>Chuyên đề định hướng cho học viên nghiên cứu về cú pháp tiếng Việt, cụ thể: Những kết quả nghiên cứu cú pháp tiếng Việt qua các giai đoạn; vấn đề ba bình diện nghiên cứu câu của Ngữ pháp chức năng: bình diện ngữ pháp, bình diện ngữ nghĩa và bình diện ngữ dụng; các thành phần cú pháp của câu như: chủ ngữ, vị ngữ, bổ ngữ, trạng</p>	<p>1. Giáo trình chính Nguyễn Văn Hiệp (2009) <i>Cú pháp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo [1] Diệp Quang Ban (2005), <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. [2] Bùi Minh Toán (2012), <i>Câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p>

		<p>ngữ, khởi ngữ ...; các kiểu câu phân chia theo cấu tạo ngữ pháp: câu đơn, câu phức, câu ghép và câu đặc biệt; các chỉ tố liên kết văn bản.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Nêu được tính cấp thiết về việc nghiên cứu cú pháp tiếng Việt, định hướng được những vấn đề nghiên cứu.</p> <p>+ Trình bày được tổng quan về chuyên đề nghiên cứu: Lược thảo, đánh giá được một số công trình, bài viết đang được quan tâm về những vấn đề liên quan đến chuyên đề.</p> <p>+ Trình bày được các nội dung cốt lõi, chuyên sâu của chuyên đề nghiên cứu/hướng nghiên cứu, gắn với CĐR của CTĐT: lịch sử nghiên cứu cú pháp tiếng Việt, các bình diện nghiên cứu câu, các thành phần cú pháp của câu, các kiểu câu...</p> <p>+ Viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu theo định dạng báo cáo khoa học tại biểu mẫu 2, 3, 4 của <i>Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022).</i></p>	
		<p>- <i>Nội dung CĐ:</i></p> <p>Chuyên đề định hướng cho học viên nghiên cứu về</p>	<p>1. Giáo trình chính Diệp Quang Ban (2012), <i>Giao tiếp, diễn ngôn và cấu</i></p>

18	1NVC06	Phân tích diễn ngôn (3TC)	<p>phân tích diễn ngôn, bao gồm: khái niệm diễn ngôn, các đặc tính của diễn ngôn, các loại diễn ngôn, quá trình hình thành “Phân tích diễn ngôn”, các vấn đề có liên quan đến phân tích diễn ngôn, phân tích diễn ngôn phê bình và ngôn ngữ học sinh thái, ứng dụng phân tích diễn ngôn vào việc phân tích ngôn ngữ nghệ thuật.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Nêu được tính cấp thiết về việc nghiên cứu phân tích diễn ngôn, định hướng được những vấn đề nghiên cứu.</p> <p>+ Trình bày được tổng quan về chuyên đề nghiên cứu: Lược thảo, đánh giá được một số công trình, bài viết đang được quan tâm về những vấn đề liên quan đến chuyên đề.</p> <p>+ Trình bày được các nội dung cốt lõi, chuyên sâu của chuyên đề nghiên cứu/hướng nghiên cứu, gắn với CĐR của CTĐT: khái niệm và đặc tính của diễn ngôn, các loại diễn ngôn, quá trình hình thành “phân tích diễn ngôn”, phân tích diễn ngôn phê bình và ngôn ngữ học sinh thái và ứng dụng phân tích diễn ngôn vào việc phân tích ngôn ngữ nghệ thuật.</p> <p>+ Viết và trình bày</p>	<p><i>tạo của văn bản</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo Nunan Davit (1997), <i>Dẫn nhập phân tích diễn ngôn (Bản dịch tiếng Việt của Hồ Mỹ Huyền và Trúc Thanh)</i>.</p>
----	--------	---------------------------------	---	---

			<p>được chuyên đề báo cáo nghiên cứu theo định dạng báo cáo khoa học tại biểu mẫu 2, 3, 4 của <i>Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022)</i>.</p>	
19	1NVC07	Từ tiếng Việt (3 TC)	<p>- <i>Nội dung chuyên đề:</i></p> <p>Chuyên đề định hướng cho học viên nghiên cứu về từ tiếng Việt trên các bình diện: chức năng, ngữ nghĩa, cấu tạo và ngữ pháp. Cụ thể, đó là các vấn đề về ngữ âm và ngữ pháp của từ tiếng Việt, cấu tạo và các kiểu từ tiếng Việt, các thành phần nghĩa, sự chuyển biến ý nghĩa của từ, cấu trúc nghĩa của từ trong hệ thống và nghĩa của từ trong hoạt động hành chức.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Nêu được tính cấp thiết về việc nghiên cứu từ tiếng Việt, định hướng được những vấn đề nghiên cứu.</p> <p>+ Trình bày được tổng quan về chuyên đề nghiên cứu: Lược thảo, đánh giá được một số công trình, bài viết đang được quan tâm về những vấn đề liên quan đến chuyên đề.</p> <p>+ Trình bày được các nội dung cốt lõi, chuyên sâu của chuyên đề nghiên cứu/</p>	<p>1. Giáo trình chính Nguyễn Thiện Giáp (2011) <i>Vấn đề “từ” tiếng Việt</i>, Nhà Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p> <p>[1] Hoàng Văn Hành (chủ biên) (2008), <i>Từ tiếng Việt</i>, Nxb Văn hóa Sài Gòn.</p> <p>[2] Đỗ Hữu Châu (1998), <i>Cơ sở ngữ nghĩa học từ vựng</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>

			<p>hướng nghiên cứu, gắn với CDR của CTĐT: khái quát về từ, các bình diện của từ; từ tiếng Việt; ngữ âm và ngữ pháp của từ tiếng Việt; cấu tạo và các kiểu từ tiếng Việt; nghĩa của từ tiếng Việt trong hệ thống và trong hoạt động.</p> <p>+ Viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu theo định dạng báo cáo khoa học tại biểu mẫu 2, 3, 4 của <i>Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022).</i></p>	
20	1NVC03	<p>Địa danh học và một số vấn đề về địa danh Việt Nam (3 TC)</p>	<p>- <i>Nội dung chuyên đề:</i></p> <p>Chuyên đề định hướng cho học viên nghiên cứu về địa danh học và một số vấn đề về địa danh Việt Nam: khái niệm địa danh, phân loại địa danh, vị trí của địa danh học trong ngôn ngữ học, nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh, cấu tạo địa danh, phương thức định danh, vấn đề ý nghĩa của địa danh, nguồn gốc ngữ nguyên của địa danh, mối quan hệ giữa địa danh và các khoa học khác. Và những vấn đề về địa danh Việt Nam mà học phần cung cấp gồm: Nghiên cứu địa danh ở Việt Nam, cấu tạo và phương thức định danh của địa danh Việt Nam, vấn đề phân vùng địa</p>	<p>1. Giáo trình chính Lê Trung Hoa (1996), <i>Địa danh học Việt Nam</i>, Nxb KHXH, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo [1] Nguyễn Văn Âu (2000), <i>Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam</i>, Nxb KHXH, Hà Nội. [2] Nguyễn Dược – Trung Hải (2008), <i>Sổ tay địa danh Việt Nam</i> (tái bản lần thứ tám, chỉnh lí năm 2007), Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p>

			<p>danh, địa danh học ứng dụng ở Việt Nam,...</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Nêu được tính cấp thiết về chuyên đề/hướng nghiên cứu.</p> <p>+ Trình bày được tổng quan về chuyên đề nghiên cứu (Đưa ra được một số công trình nghiên cứu đang được quan tâm về mảng chuyên đề này...)</p> <p>+ Trình bày được các nội dung cốt lõi, chuyên sâu của chuyên đề nghiên cứu, gắn với đáp ứng chuẩn đầu ra của CTĐT.</p> <p>+ Viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu theo định dạng báo cáo khoa học tại biểu mẫu 2, 3, 4 của <i>Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022).</i></p>	
21	1NVC04	Ngôn ngữ học tri nhận (3TC)	<p>- <i>Nội dung chuyên đề:</i></p> <p>Chuyên đề định hướng cho học viên nghiên cứu về ngôn ngữ học tri nhận, bao gồm: Sự ra đời và sáng lập ngôn ngữ học tri nhận, phạm trù hóa và mô hình tri nhận, ý niệm từ và biến đổi từ vựng, mô hình tri nhận ẩn dụ và hoán dụ, tri nhận và ngữ pháp.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Nêu được tính cấp</p>	<p>1. Giáo trình chính Triệu Diễm Phương (2011), <i>Dẫn luận ngôn ngữ học tri nhận</i> (Người dịch: Đào Thị Hà Ninh), Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo Lý Toàn Thắng (2009), <i>Ngôn ngữ học tri nhận, Từ lý thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt</i>, Nxb Phương Đông, Hà Nội.</p>

			<p>thiết về việc nghiên cứu ngôn ngữ học tri nhận, định hướng được những vấn đề nghiên cứu.</p> <p>+ Trình bày được tổng quan về chuyên đề nghiên cứu: Lược thảo, đánh giá được một số công trình, bài viết đang được quan tâm về những vấn đề liên quan đến chuyên đề.</p> <p>+ Trình bày được các nội dung cốt lõi, chuyên sâu của chuyên đề nghiên cứu/hướng nghiên cứu, gắn với CDR của CTĐT: phạm trù hóa và mô hình tri nhận, ý niệm của từ và biến đổi từ vựng, mô hình tri nhận ẩn dụ và hoán dụ, tri nhận và ngữ pháp.</p> <p>+ Viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu theo định dạng báo cáo khoa học tại biểu mẫu 2, 3, 4 của <i>Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022)</i>.</p>	
22	1NVC05	Ngữ pháp chức năng (3TC)	<p><i>-Nội dung chuyên đề:</i></p> <p>Chuyên đề định hướng cho học viên nghiên cứu về Ngữ pháp chức năng, cụ thể: Khái quát về ngữ pháp chức năng trong quan hệ với ngữ pháp truyền thống; quan điểm của S.C Dik và M.A.K</p>	<p>1. Giáo trình chính M.A.K Halliday (2004), <i>Dẫn luận Ngữ pháp chức năng</i> (bản dịch của Hoàng Văn Vân), Nxb ĐHQG, Hà Nội.</p> <p>2. Tài liệu tham khảo</p>

		<p>Halliday trong nghiên cứu ngôn ngữ; vấn đề ba bình diện, ba chức năng của Ngữ pháp chức năng vận dụng vào nghiên cứu tiếng Việt, đặc biệt nghiên cứu câu tiếng Việt.</p> <p>- <i>Năng lực đạt được:</i></p> <p>+ Nêu được tính cấp thiết về việc nghiên cứu ngữ pháp chức năng - một khuynh hướng nghiên cứu mới, hiện đại trên thế giới và trong Việt ngữ, định hướng được những vấn đề nghiên cứu.</p> <p>+ Trình bày được tổng quan về chuyên đề nghiên cứu: Lược thảo, đánh giá được một số công trình, bài viết đang được quan tâm về những vấn đề liên quan đến chuyên đề.</p> <p>+ Trình bày được các nội dung cốt lõi, chuyên sâu của chuyên đề nghiên cứu/hướng nghiên cứu, gắn với CDR của CTĐT: khái quát về ngữ pháp chức năng, các hướng nghiên cứu của ngữ pháp chức năng, lý thuyết ba bình diện, lý thuyết ba chức năng trong nghiên cứu tiếng Việt.</p> <p>+ Viết và trình bày được chuyên đề báo cáo nghiên cứu theo định dạng báo cáo khoa học tại biểu mẫu 2, 3, 4 của <i>Quy định tuyển sinh và đào</i></p>	<p>[1] Diệp Quang Ban (2005), <i>Ngữ pháp tiếng Việt</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>[2] Cao Xuân Hạo (2005), <i>Tiếng Việt – Sơ thảo ngữ pháp chức năng</i>, Nxb KHXH, Hà Nội</p>
--	--	---	--

			<p><i>tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức (Quyết định số 297/QĐ-ĐHHD ngày 28/01/2022).</i></p>	
--	--	--	---	--

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Nội dung chương trình được phân bổ trong 4 học kỳ. Kỳ 1: gồm 6 học phần (19 TC); kỳ 2: gồm 05 học phần (14 TC); kỳ 3: gồm 4 chuyên đề nghiên cứu (12 TC); kỳ 4: HP tốt nghiệp (luận văn) (15 TC). Cụ thể như sau:

Năm thứ nhất	
Học kỳ 1	Học kỳ 2
Triết học (4 TC)	Ngữ pháp học và một số vấn đề về ngữ pháp tiếng Việt (3 TC)
Tiếng Anh (3 TC)	Ngữ nghĩa học và một số vấn đề về ngữ nghĩa tiếng Việt
Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại (3TC)	Ngữ dụng học và một số vấn đề ngữ dụng trong tiếng Việt (3TC)
Học phần tự chọn: - Ngôn ngữ và văn học (3 TC) / Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt (3 TC) / - Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỷ XXI (3 TC) / Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy học tiếng Việt trong nhà trường phổ thông (3 TC) - Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam (3 TC) / Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại (3 TC)	Học phần tự chọn: - Ngôn ngữ học xã hội (2 TC) / Ngôn ngữ và thực hành báo chí (2 TC) - Phong cách học – Từ lí thuyết đến thực tiễn (3 TC) / Ngôn ngữ nghệ thuật (3TC)
Năm thứ hai	
Học kỳ 1	Học kỳ 2
Chuyên đề Cú pháp tiếng Việt (3TC)	Luận văn tốt nghiệp (15 TC)
Chuyên đề Phân tích diễn ngôn (3 TC)	
Chuyên đề tự chọn: - Từ tiếng Việt (3 TC) / Địa danh học và một số vấn đề về địa danh Việt Nam	

(3TC) - Ngôn ngữ học tri nhận (3 TC) / Ngữ pháp chức năng (3TC)	
--	--

(Ghi theo kế hoạch toàn khóa học)

4. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của CTĐT

Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT								
	Kiến thức					Kỹ năng			Mức tự chủ và trách nhiệm
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9
Triết học	✓								
Tiếng Anh		✓							
Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu văn học hiện đại			✓			✓			✓
Ngôn ngữ trong văn hóa giao tiếp của người Việt				✓		✓	✓		✓
Ngôn ngữ và văn học				✓		✓	✓		✓
Loại hình tác giả văn học trung đại Việt Nam			✓			✓			✓
Tiến trình văn học Việt Nam hiện đại nhìn từ góc độ thể loại			✓			✓			✓
Văn học nhà trường trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thế giới thế kỷ XXI			✓			✓			✓
Xu hướng quốc tế về nghiên cứu ngôn ngữ và việc dạy học tiếng Việt trong nhà			✓			✓			✓

trường phổ thông									
Ngữ pháp học và một số vấn đề về ngữ pháp tiếng Việt			✓		✓	✓			✓
Ngữ nghĩa học và một số vấn đề về ngữ nghĩa tiếng Việt			✓		✓	✓			✓
Ngữ dụng học và một số vấn đề ngữ dụng trong tiếng Việt			✓		✓	✓			✓
Phong cách học – Từ lý thuyết đến thực tiễn			✓		✓	✓			✓
Ngôn ngữ nghệ thuật			✓		✓	✓			
Ngôn ngữ học xã hội			✓		✓	✓			✓
Ngôn ngữ và thực hành báo chí			✓		✓	✓			✓
Cú pháp tiếng Việt			✓		✓	✓			✓
Phân tích diễn ngôn			✓		✓	✓			✓
Từ tiếng Việt			✓		✓	✓			✓
Địa danh học và một số vấn đề về địa danh Việt Nam			✓		✓	✓			✓
Ngôn ngữ học tri nhận			✓		✓	✓			✓
Ngữ pháp chức năng			✓		✓	✓			✓


PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG
 PGS.TS. Bùi Văn Dũng

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 6 năm 2022
TRƯỞNG KHOA
 PGS.TS. Mai Văn Tùng